

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HS-ST
Ngày: 09/02/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dung.
2. Ông Huỳnh Duy Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 70/2017/HSST ngày 29 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S, sinh năm 1994; nơi đăng ký thường trú: không; chỗ ở hiện nay: tổ 09, khóm Vĩnh Đông, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ánh N;

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Ngày 01/3/2016, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 10/5/2017.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/11/2017 cho đến nay.

Người bị hại: Ông Huỳnh Sơn Th, sinh năm 1999; nơi cư trú: số 60/10, đường Bình Trị Đông, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

- Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1972; nơi cư trú: số 60/10, đường Bình Trị Đông, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1975; nơi cư trú: số 60/10, đường Bình Trị Đông, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Bùi Thị H, sinh năm 1968; nơi cư trú: tổ 03, khóm Vĩnh Tây 3, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bị cáo có mặt, người bị hại và những người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt:

Bị cáo Nguyễn Văn S bị Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 01/9/2017 Nguyễn Văn S đi bán vé số quanh khu vực cổng sau Miếu Bà chúa xứ Núi Sam thuộc tổ 22, khóm Vĩnh Tây 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc. Khi đi ngang khu vực lề đường Châu Thị Tế, S nhìn thấy Huỳnh Sơn Th đang ngồi ăn bún trong quán của bà Bùi Thị H, bên phải có để chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus trên ghế nên nảy sinh ý định lấy trộm. Để thực hiện, S đến ngồi sau lưng Th, quan sát thấy mọi người không chú ý, S dùng tay lấy trộm chiếc điện thoại, cất giấu vào người rồi bỏ về nhà. Sau khi phát hiện bị mất trộm, Thành đến công an phường Núi Sam trình báo. Công an phường Núi Sam mời S đến làm việc, S thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản.

Kết luận định giá tài sản số 172/KL-ĐG, ngày 11/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc, xác định: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, dung lượng 64Gb, màu đen-xám, đã qua sử dụng. Tỷ lệ sử dụng còn lại: 70%; giá trị còn lại: 6.000.000 đồng.

Cáo trạng số 10/VKS.HS ngày 29 tháng 12 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố Nguyễn Văn S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi như cáo trạng Viện Kiểm sát truy tố. Đồng thời cho biết, khi công an phường Núi Sam mời làm việc bị cáo đã giao trả lại chiếc điện thoại lấy trộm được cho người bị hại, mục đích lấy trộm điện thoại của người bị hại là nhằm đem bán lấy tiền tiêu xài.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng vật chứng được thu giữ và đã giao trả lại cho người bị hại nên có cơ sở xác định hành vi lợi dụng sự sơ hở, lén lút chiếm đoạt điện thoại Iphone 6s Plus, trị giá 6.000.000 đồng của ông Thành mà bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội; giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố.

Xét về tính chất của vụ án, nhận thấy quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi và giao trả lại cho người bị hại, bị cáo không biết chữ nên có sự hạn chế trong nhận thức pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo trong khi lượng hình.

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi chung là Bộ luật Hình sự 2015) hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội. Do vậy, đề nghị áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 để xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng, điện thoại mà bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi và giao trả lại cho người bị hại nên đề nghị không xử lý lại.

Về trách nhiệm dân sự, người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nào khác nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Căn cứ các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng,

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân thành phố Châu Đốc; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người làm chứng không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người bị hại và những người làm chứng vắng mặt. Xét, người bị hại và người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra, người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu nào khác đối với bị cáo nên việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị hại và những người làm chứng theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

Về nội dung,

[Hành vi phạm tội]:

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa với lời khai người bị hại và người làm chứng là phù hợp với nhau về diễn biến, thời gian và hành vi bị cáo đã thực hiện, cụ thể:

Ông Huỳnh Sơn Th cho biết: Khoảng 23 giờ 15 phút có cùng với mẹ và dì tên Trần Thị Chvà Trần Thị T đến ăn bún riêu của bà Bùi Thị H dưới lòng đường Châu Thị Tế thuộc tổ 22, khóm Vĩnh Tây 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc. Khi ăn thì có để 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus trên ghế phải bên cạnh. Trong lúc ăn thì thấy có bóng người khom xuống bên phải, khoảng 02 phút sau khi nhìn qua nơi để điện thoại thì phát hiện điện thoại đã bị mất nên đến Công an phường Núi Sam trình báo sự việc.

Người làm chứng bà Trần Thị Ch và Trần Thị Th cho biết: Khoảng 23 giờ có cùng Th đến ăn bún riêu tại quán của bà H. Trong lúc đang ăn thì Thành nói bị mất điện thoại nên cùng với Th đến Công an phường Núi Sam trình báo sự việc.

Người làm chứng bà Bùi Thị H cho biết: Khoảng 23 giờ ngày 01/9/2017 có một số khách hàng hương đến chỗ bà ăn bún riêu. Khoảng 10 phút sau có một người khách nam nói bị mất điện thoại di động. Sau đó người khách này đến Công an phường Núi Sam trình báo sự việc.

Ngoài ra, lời khai nhận của bị cáo còn phù hợp với vật chứng vụ án đã thu giữ và giao trả lại cho người bị hại. Từ đó, có căn cứ xác định bị cáo đã lợi dụng lúc ông Th sơ hở trong quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus với giá trị tài sản được xác định là 6.000.000 đồng theo Kết luận định giá tài sản số 172/KL-ĐG ngày 11/9/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc.

Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích đem bán lấy tiền tiêu xài. Do đó, có căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1

Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 như nội dung cáo trạng truy tố.

[Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự]:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi và giao trả lại cho người bị hại, đồng thời bị cáo không biết chữ nên có sự hạn chế trong nhận thức pháp luật. Xét, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 nên có xem xét áp dụng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo trong khi lượng hình như quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[Về hình phạt bổ sung]:

Bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, không có nghề nghiệp ổn định, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[Về trách nhiệm dân sự]:

Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm thiệt hại nào khác nên không đề cập trong vụ án.

[Về xử lý vật chứng]:

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu hồi và giao trả lại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt cho người bị hại theo đúng quy định pháp luật nên không đề cập xử lý lại.

[Về án phí]: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn S phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S: 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày 20/11/2017 (*Hai mươi, tháng mười một, năm hai ngàn không trăm mười bảy*).

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm